

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**  
**Năm 2019**

*TP Vinh, ngày 24 tháng 04 năm 2020*

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900325068
- Vốn điều lệ: 215.172.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 215.172.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 10 Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An
- Số điện thoại: 02383.847143
- Số fax: 02383.847142
- Website: <http://nghetinhport.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NAP
- Quá trình hình thành và phát triển.

Ngày 13/10/1955, Cảng Bến Thủy được thành lập, là tiền thân của Cảng Nghệ Tĩnh ngày nay, đã đánh dấu sự ra đời của một doanh nghiệp cảng biển anh hùng, tiên tiến, góp phần tích cực trong công cuộc phát triển kinh tế của tỉnh Nghệ An và khu vực miền trung.

Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh chính thức chuyển đổi từ ngày 1/4/2015, là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa tại quyết định số: 658/QĐ-HHVN của HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam với tỷ lệ nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được niêm yết vào ngày 19/7/2016 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

*2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh: Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu
  - + Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng
  - + Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa
  - + Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan
  - + Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển



+ Dịch vụ dẫn dắt tàu ra vào cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng;

+ Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển

+ Cứu đắm, cứu cạn, sản xuất và cung ứng các thiết bị cứu sinh, cứu hộ.

+ Kinh doanh dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển

+ Sửa chữa phương tiện vận tải thủy, bộ

+ Xây dựng và sửa chữa công trình cảng

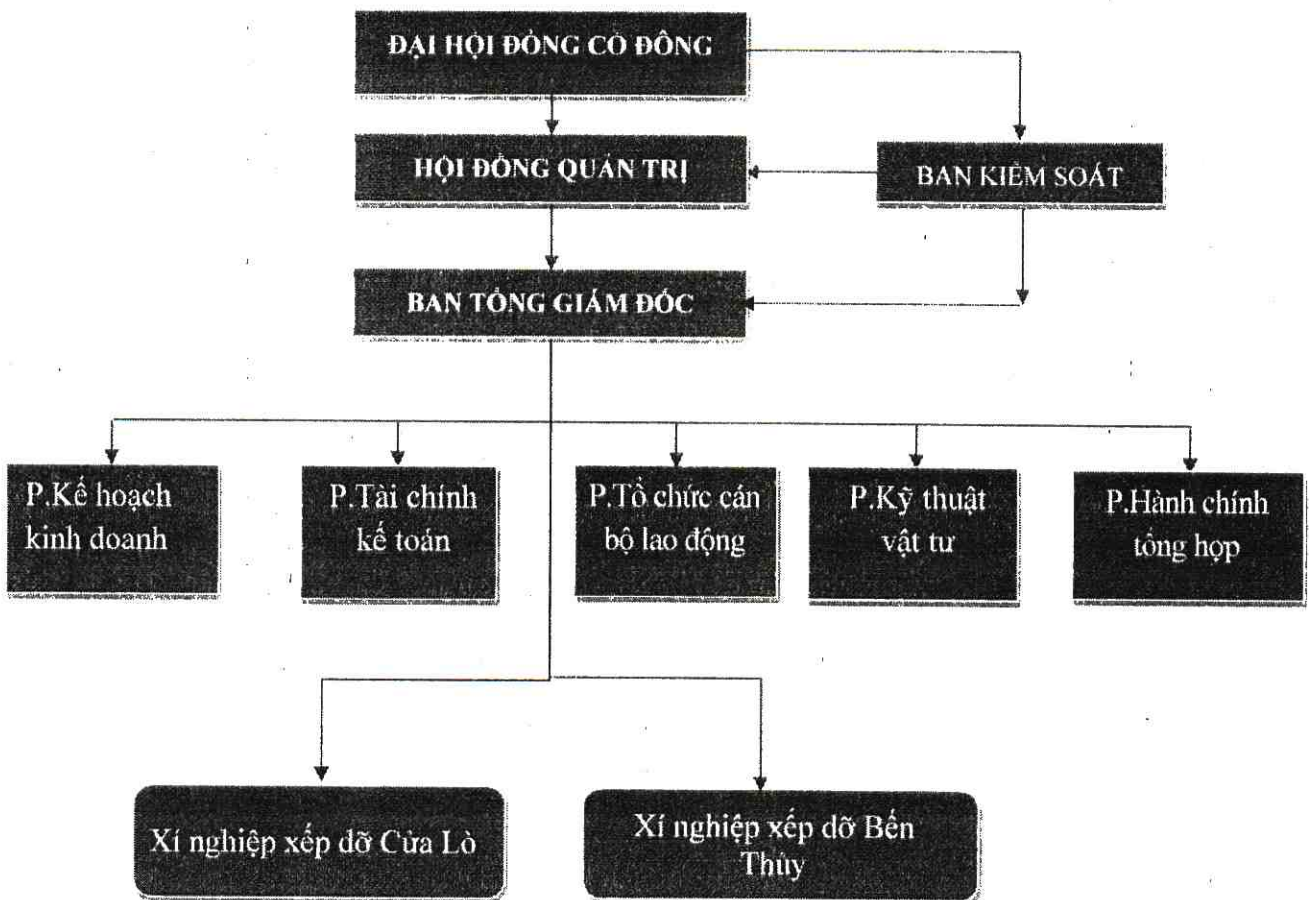
+ Kinh doanh Nhà nghỉ

+ Xây dựng và cho thuê Văn phòng làm việc

- Địa bàn kinh doanh chính là khu vực tỉnh Nghệ An, các tỉnh tiếp giáp lân cận trong và ngoài nước.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### - Mô hình quản trị



#### - Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu Hội đồng quản trị: Gồm có 05 người, Trong đó:

+ 01 Chủ tịch HĐQT

+ 04 Thành viên HĐQT

Cơ cấu Ban kiểm soát: gồm 03 người, Trong đó:

+ 01 Trưởng Ban kiểm soát

+ 02 Thành viên Ban kiểm soát

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc: gồm có: 03 người, Trong đó

+ 01 Tổng giám đốc

+ 02 Phó Tổng giám đốc

- **Các công ty con, công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh có 01 Công ty liên kết là:

+ Tên công ty: Công ty Cổ phần lai dắt và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò;

+ Địa chỉ: Văn phòng Cảng Cửa Lò, Khối 1, Phường Nghi Thủy, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An

+ Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra vào cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn tàu hoạt động trong khu vực cảng; Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển.

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty liên kết là 36%.

#### 4. Định hướng phát triển

##### - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phấn đấu xây dựng Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh trở thành một trong những Doanh nghiệp cảng biển có thương hiệu, uy tín, chất lượng trong khu vực và quốc tế.

+ Trở thành một trong những Công ty khai thác cảng biển hàng đầu trong trong khu vực Bắc Trung Bộ về lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng container.

+ Luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi và ổn định mức cổ tức hàng năm cho cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động;

+ Tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước;

##### - Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Chiến lược phát triển thị trường

Đây là chiến lược thực hiện lâu dài đến năm 2025, trong đó Công ty chú trọng kinh doanh vào những ngành nghề kinh doanh chính như: Bốc xếp hàng hóa, giao nhận ủy thác, cho thuê kho bãi. Đồng thời tập trung mọi nguồn lực để tìm mở rộng sang thị trường Lào để phát triển các mặt hàng tiềm năng như: Mặt hàng Kaly, quặng, than...; tìm kiếm thêm các khách hàng mới trên địa bàn: Các mặt hàng tôn cuộn, sắt thép, Clinker, xi măng, cát, đất phụ gia... để tăng trưởng hàng hóa thông qua cảng.

Tuy nhiên để thực hiện được chiến lược này Công ty cần duy trì và chú trọng đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

**+ Chiến lược phát triển sản phẩm**

Trong giai đoạn này Công ty cần tập trung huy động vốn, từng bước tiến hành đầu tư mới thay thế các phương tiện, thiết bị, công cụ xếp dỡ hàng hóa đã lạc hậu về công nghệ, hết khấu hao, sử dụng không hiệu quả và đầu tư, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý, khai thác cảng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời không ngừng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến các công cụ xếp dỡ hàng hóa nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của khách hàng, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh so với các cảng trong khu vực. Các sản phẩm sẽ được phát triển theo hướng nâng cao về mặt chất lượng phục vụ, đảm bảo nhanh chóng, an toàn, chuyên nghiệp hơn.

Mũi nhọn trong chiến lược phát triển sản phẩm trong giai đoạn tới là dịch vụ hàng container và hàng rời.

**+ Chiến lược phát triển con người**

Nguồn nhân lực của Công ty đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển. Vì vậy, chiến lược phát triển con người bao gồm: công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo và các chính sách đãi ngộ đóng vai trò hết sức quan trọng để nguồn nhân lực có đủ: Năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, sức khỏe tốt, ứng xử văn hoá tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ quyền hạn được giao một cách hiệu quả.

**5. Các rủi ro**

- **Rủi ro kinh tế:** Những biến động của nền kinh tế vĩ mô thể hiện ở tốc độ tăng trưởng, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá, ... sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, v.v...

+ **Tốc độ tăng trưởng:** Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt kết quả ấn tượng, với tốc độ tăng 7.02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường (như ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%). Cơ cấu kinh tế năm 2019 cũng có những chuyển biến tích cực với tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm xuống 13,96% GDP, so với mức 14,68% của năm 2018. Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%.

Trên góc độ sử dụng GDP năm 2019, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,23% so với năm 2018; tích lũy tài sản tăng 7,91%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 6,71%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,35%. Về chất lượng tăng trưởng kinh tế, năm 2019 đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt

46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015. Đáng chú ý, năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018. Theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,2% do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2019 tăng cao. Hiệu quả đầu tư được cải thiện với nhiều năng lực sản xuất mới bổ sung cho nền kinh tế. Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,97 năm 2018, còn năm 2019 ước tính đạt 6,07. Bình quân giai đoạn 2016-2019 hệ số ICOR đạt 6,14, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015.

Năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa vượt mốc 500 tỉ USD, trong đó ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ của khu vực kinh tế trong nước với tốc độ cao hơn rất nhiều khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2019 ước tính xuất siêu 9,9 tỉ USD, mức cao nhất trong 4 năm liên tiếp xuất siêu.

**+ Lạm phát:** Mức lạm phát 2019 chỉ là 2,73% thấp nhất trong 3 năm gần đây. Chỉ số này năm 2018 là 3,54% và năm 2017 là 3,53% năm “dưới” cả mức dự báo của Ban chỉ đạo từ đầu năm là CPI tăng từ 3,3- 3,9%.

Bình quân năm 2019 so với năm trước, giá thực phẩm tăng 5,08%, giá các mặt hàng đồ uống, thuốc lá tăng khoảng 1,99%; quần áo may sẵn các loại tăng 1,70%; giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 3,02%; giá du lịch trọn gói tăng 3,04%, trong đó mặt hàng thịt lợn bình quân năm 2019 tăng 11,79%... Đây là một trong những nguyên nhân chính làm CPI các tháng cuối năm tăng cao. Bên cạnh đó, giá các mặt hàng thiết yếu trên thế giới có xu hướng tăng, như: giá nhiên liệu, chất đốt, sắt thép... nên năm 2019 ước tính chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa so cùng kỳ tăng 0,59%, chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa tăng 3,01%; chỉ số giá sản xuất công nghiệp tăng 1,25%; chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,31%. Dù vậy, bằng các nỗ lực của mình, Việt Nam đã có một năm thành công trong kiểm soát lạm phát. Trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng cao (7,02%), lạm phát thấp, thì, tăng trưởng “càng có ý nghĩa”.

**+ Lãi suất:** Mặt bằng lãi suất Việt Nam đã trải qua một năm 2019 đầy biến động trước sự ảnh hưởng của cả yếu tố trong nước và quốc tế. Trong 9 tháng đầu năm, lãi suất huy động liên tục được các ngân hàng đẩy lên cao; đặc biệt là tại các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân nhỏ trước áp lực cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đáp ứng các quy định về hệ số an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II và lộ trình giảm tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của NHNN. Theo đó, tính đến cuối tháng 9, lãi suất huy động tiền gửi tại một số ngân hàng đã tăng lên mức 9%/năm; trong khi lãi suất chứng chỉ tiền gửi cũng nhanh chóng vượt qua 10%/năm. Đà tăng của lãi suất huy động chỉ bắt đầu hạ nhiệt từ giữa tháng 10, sau khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phát đi thông báo cắt giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm % và Cục dự trữ Liên bang



Mỹ (Fed) quyết định giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng 9. Trong những tháng tiếp theo, mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục xu hướng đi xuống nhất là sau động thái giảm trần lãi suất huy động tiền gửi tại các kì hạn ngắn và lãi suất cho vay một số lĩnh vực của NHNN. Theo số liệu của SSI Research ghi nhận vào cuối tháng 11, lãi suất huy động kì hạn dưới 6 tháng dao động trong khoảng 4,1 - 5,0%/năm, từ 6 đến dưới 12 tháng trong khoảng 5,5 - 7,5%/năm và từ 12 - 13 tháng là 6,4 - 7,9%/năm.

Tính chung cả năm 2019, lãi suất huy động các kì hạn ngắn dưới 6 tháng có mức dao động không quá lớn trong thậm chí giảm sau quyết định áp trần lãi suất huy động 5,0%/năm của NHNN. Đối với các kì hạn trên 6 tháng, lãi suất huy động nhìn chung ở mức tương đương cùng kì năm 2018. Trong khi đó, mặt bằng chung của lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2019. Thậm chí lãi suất cho vay tối đa với một số lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế được điều chỉnh giảm nhằm mục tiêu hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

- **Rủi ro luật pháp:** Cảng Nghệ Tĩnh đã thực hiện xong quá trình chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần. Do đó Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần. Đồng thời việc Công ty là công ty đại chúng, Công ty phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán, các quy định riêng cho công ty đại chúng và công ty niêm yết. Trong giai đoạn này, Công ty phải nắm bắt nhiều quy định mới, do đó có thể phát sinh những rủi ro về mặt pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Mặt khác, Việt Nam trong những năm gần đây, thông qua hoạt động lập pháp, Quốc hội đã dần tạo lập được khung pháp lý và hệ thống Luật pháp khá đầy đủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, vẫn trong quá trình phải sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện dần nên vẫn tiềm tàng một số rủi ro về pháp lý cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp hoàn toàn có thể hạn chế rủi ro pháp luật bằng chính sự hiểu biết về pháp luật hoặc thông qua sự tham vấn chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn Luật.

- **Rủi ro đặc thù**

+ **Rủi ro cạnh tranh ngành:** Hiện nay, vấn đề quy hoạch cảng biển đã có quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn bộc lộ một số bất cập. Tính tới tháng 8 năm 2014, Việt Nam đã xây dựng được 44 cảng biển các loại, hệ thống cảng biển có khoảng 219 bến cảng với gần 43,6km cầu cảng và hàng chục khu chuyên tải, trong đó chỉ có khoảng 10 cảng có đủ điều kiện tiếp nhận tàu trọng tải cỡ trung bình của thế giới (*theo Cục Hàng hải Việt Nam*). Với khối lượng hàng hóa thông qua hầu hết các cảng biển chỉ xấp xỉ 16% công suất thiết kế khiến cho các doanh nghiệp khai thác cảng thiếu nguồn



hàng trăm trọng, dẫn tới việc cạnh tranh không lành mạnh về giá giữa các cảng. Trong khi đó, kinh tế biển là vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, nhưng quy mô hoạt động của các cảng tại miền Bắc Trung (từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh) đều nhỏ, nguồn hàng chưa dồi dào khiến cho Cảng Nghệ Tĩnh càng gặp khó khăn hơn trong việc cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành.

Tại khu vực Bắc Trung Bộ Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh có các đối thủ cạnh tranh chính:

**Khu vực Hà Tĩnh: Công ty cổ phần cảng Vũng Áng - Việt Lào (Hà Tĩnh)**

\* Là cảng nước sâu có thể đón được các tàu có trọng tải từ 40.000 DWT đến 50.000 DWT.

\* Hàng hóa thông qua chủ yếu là hàng rời: Gỗ dăm, than, đá rời xây dựng..., thiết bị.

\* Đối với Cảng Vũng Áng do điều kiện khoảng cách địa lý (đường bộ) xa, cách Cảng Cửa Lò 150 km, việc cạnh tranh hàng hóa ở mức độ thấp. Tuy nhiên, do hiện tại các mặt hàng thông qua Cảng Vũng Áng chủ yếu là hàng rời nên, cho nên khi thực hiện xếp dỡ các loại hàng bao gặp nhiều khó khăn do không đủ nguồn nhân lực, năng suất xếp dỡ thấp, kho chứa hàng còn hạn chế. Vì vậy, hiện tại các hàng phân bón kaly từ Lào thông qua Cửa khẩu Chalo Quảng Bình đang thực hiện quá cảnh tại cảng Cửa Lò, Nghệ An.

**Khu vực Thanh Hóa** bao gồm các Cảng: Công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp PTSC Thanh Hóa; Công ty cổ phần thương mại Cảng Đại Dương (Thanh Hóa); Cảng Quốc tế Nghi Sơn (*Gang thép Nghi Sơn*)

\* Hiện tại các cảng ở khu vực Thanh Hóa đều là cảng nước sâu có thể đón được các tàu có trọng tải từ 40.000 DWT đến 50.000 DWT.

\* Hàng hóa thông qua chủ yếu là hàng rời: Gỗ dăm, than, clinker, đá rời..., thiết bị.

\* Đối với cụm cảng Nghi Sơn có khoảng cách đường bộ cách Cảng Cửa Lò 80 Km, Hàng hóa từ miền tây Nghệ An về cảng Cửa Lò xa hơn cụm cảng Nghi Sơn từ 30 đến 36 Km. Do vậy hiện tại đang cạnh tranh rất khốc liệt, đặc biệt là giá cước bốc xếp hàng hóa.

\* Hiện tại các Cảng ở Thanh Hóa và Hà Tĩnh đã thực hiện việc đầu tư các thiết bị làm hàng container. Đặc biệt Cảng Quốc tế Nghi Sơn đã đầu tư đồng bộ các thiết bị làm hàng container. Hiện tại giá cước container nội địa tại khu vực Nghi Sơn Thanh Hóa đang chào bằng 80% giá cước tại Cảng Cửa Lò, giá container Quốc tế bằng mức tối thiểu theo quy định ở khu vực phía Bắc.

**Khu vực Cụm cảng Cửa Lò**

\* Công ty TNHH Cảng Cửa Lò (Công ty CP Nhật Việt sát cạnh bên số 4 Cảng Cửa Lò)

Bến số 5 Cảng Cửa Lò đầu tư và đã đưa vào sử dụng từ năm 2019, hạ tầng thiết kế chủ yếu làm hàng container, các loại hàng rời.... Hiện nay, Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh thuê lại bến số 5 của Công ty TNHH Cảng Cửa Lò để khai thác nhằm hạn chế sự cạnh tranh thu hút khách hàng của nhau do cùng chung một vùng thị trường.

**\* Cảng Vissai (Nghị Thiết)**

Cảng Visai đã hoàn thành cầu dẫn chuyên dụng để vận hành khai thác cho tàu đến 50.000 DWT (tháng 6/2017) hàng hóa chủ yếu là clinker. Ngoài ra, hiện tại Cảng Vissai đang xây dựng thêm một số bến tổng hợp dự kiến chậm nhất cuối năm 2018 và đầu năm 2019 sẽ đưa vào vận hành khai thác. Như vậy, trong thời gian tới lượng hàng hóa như xi măng rời, clinker, than rời thông qua cảng Cửa Lò sẽ bị giảm mạnh (Dự kiến khối lượng hàng của Vissai thông qua năm 2017 sẽ đạt khoảng 450.000 tấn). Ngoài ra, sẽ là đối thủ cạnh tranh trực tiếp sản lượng hàng hóa khác thông qua cảng Cửa Lò.

**\* Cảng nước sâu TH:** Có thể đáp ứng được tàu có trọng tải 100.000 DWT (hiện tại chưa triển khai xây dựng)

**+ Rủi ro về nguyên nhiên liệu:** Đối với doanh nghiệp khai thác cảng, nguyên liệu đầu vào chủ yếu là xăng dầu; điện năng - một mặt hàng gần như độc quyền trong nước và thường xuyên có biến động về giá. Trong khi đó, tình hình chính trị trên thế giới liên tục bất ổn, khiến cho giá cả của nguồn nguyên liệu khan hiếm này được dự báo sẽ tăng mạnh trong tương lai. Điều này tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải nói chung, cũng như đối với các hãng tàu, vận tải biển, khai thác cảng nói riêng. Để có thể hạn chế được tối đa rủi ro về nguyên liệu, trong thời gian tới, Cảng Nghệ Tĩnh cần đưa ra những dự báo về thị trường, dự báo về mức giá để chủ động hơn về nguồn nguyên nhiên liệu phục vụ hoạt động kinh doanh khai thác cảng của Công ty.

**+ Rủi ro khác:** Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Đặc biệt đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng thì các rủi ro như thiên tai, bão lũ sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp.

**II. Tình hình hoạt động trong năm.**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện năm 2019	So sánh (%) thực hiện 2019 với	
					Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018



<b>Sản lượng</b>	Tấn	<b>3.641.539</b>	<b>3.906.000</b>	<b>3.781.116</b>	<b>96,80</b>	<b>103,83</b>
<b>Doanh thu</b>	Triệu đồng	<b>178.405</b>	<b>187.750</b>	<b>182.936</b>	<b>97,44</b>	<b>102,54</b>
<b>Lợi nhuận</b>	Triệu đồng	<b>20.079</b>	<b>11.000</b>	<b>11.069</b>	<b>100,63</b>	<b>55,13</b>

### Sản lượng hàng hoá thông qua Cảng:

- Sản lượng hàng hóa thông qua năm 2019 đạt 3.781.116 tấn, đạt 103,8% so với năm 2018 và đạt 96,8% so với kế hoạch năm 2019.

Trong đó:

- + Hàng xuất khẩu đạt 863.329 tấn, đạt 83,83% so với cùng kỳ năm 2018.
- + Hàng nhập khẩu đạt 135.436 tấn, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2018.
- + Hàng quá cảnh đạt 557.347 tấn, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2018.
- + Hàng nội địa đạt 2.225.004 tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2018.
- + Hàng container đạt 92.557TEU tương đương 1.570.764 tấn thông qua, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2018.

- Sản lượng bốc xếp năm 2019 đạt 7.802.230 tấn tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2018.

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày sinh	Trình độ học vấn	Quê quán	CMND	Số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Lê Doãn Long	Tổng giám đốc	28/12/1970	Thạc sỹ	Phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An	181657843	44.900
2	Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng giám đốc	19/9/1972	Thạc sỹ	Xã Hợp Thành, H.Thủy Nguyên, Hải Phòng	181937164	15.925
3	Trần Văn Đạt	Phó Tổng giám đốc	20/8/1963	Thạc sỹ	Xã Đại Lộc, H.Can Lộc. Hà Tĩnh	182000153	32.150
4	Nguyễn Xuân Hùng	Kế toán trưởng	25/01/1980	Thạc sỹ	Xã Diễn Thái, H.Diễn Châu, Nghệ An	182349557	20.740

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm: Không có
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động 494 người; và trong năm không có thay đổi lớn trong chính sách đối với người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

#### a) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Các dự án đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

##### a.1). Các dự án đầu tư đã thực hiện hoàn thành.

*DVT: triệu đồng*

TT	Hạng mục	Số lượng	Kế hoạch	Thực hiện quyết toán	Hình thức thực hiện	Ngày hoàn thành
<b>I</b>	<b>Máy móc thiết bị, dụng cụ</b>		<b>10.250</b>	<b>7.991</b>		
1	Máy đào bánh lốp phục vụ làm hàng Kaly bích và Quặng barit	02	4.500	4.245	Đấu thầu rộng rãi	12/07/2019
2	Khung chụp bán tự động	02	1.700	1.089	Đấu thầu qua mạng	17/05/2019
3	Ngoạm 12 m <sup>3</sup>	02	3.000	1.650	Đấu thầu qua mạng	23/10/2019
4	Cột bơm cấp phát NL	01	50	45	Chỉ định thầu	20/11/2019
5	Phễu hàng rời		1.000	962	Chỉ định thầu	24/02/2020
<b>II</b>	<b>Các hạng mục đầu tư khác</b>		<b>2.000</b>	<b>582</b>		
1	Xe ô tô Xi téc 37C-141.59	01		157	Chỉ định thầu	09/08/2019
2	Máng xả hàng Quặng số 1 XNXD Cửa Lò	01		137,5	Tự thực hiện	01/08/2019
3	Máng xả hàng Quặng số 2 XNXD Cửa Lò	01		137,5	Tự thực hiện	01/08/2019
4	Hệ thống camera an ninh Cảng Cửa Lò (thay thế hệ thống cũ)	01		150	Mua sắm	20/11/2019
<b>Tổng</b>			<b>12.250</b>	<b>8.573</b>		



a.2). Các dự án đang triển khai thực hiện.

DVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Kế hoạch	Giá trị dự toán	Hình thức thực hiện	Ngày dự kiến hoàn thành
II	Máy móc thiết bị, dụng cụ		30.000	29.526		
1	Cầu sức nâng 40-45 tấn lắp đặt trên chân đế số 1 cầu 4; chuyển phần cầu đế số 1 sang cầu 2 lắp trụ cố định mới	01	30.000	29.526	Đấu thầu rộng rãi	Quý IV/2020
<b>Tổng</b>			<b>30.000</b>	<b>29.526</b>		

a.3). Các dự án chuyển tiếp thực hiện trong năm 2019.

DVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Kế hoạch	Lý do
I	Xây Dựng cơ bản		2.500	
1	Trạm điện tại cầu 2	01	2.500	Đây là công trình phụ trợ của cần cầu chân đế 40 tấn nên sẽ được đầu tư phù hợp với tiến độ đầu tư cần cầu.
<b>Tổng</b>			<b>2.500</b>	

b) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Công ty con/liên kết	Vốn điều lệ thực góp (1.000 đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Thời điểm góp vốn	Lợi nhuận trong năm (triệu đồng)
1	Công ty CP Lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Liên kết	4.860.000	36	01/04/2016	1.046

b.1. Về tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn:

Công ty CP lai dất và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò đã thực hiện các chế độ quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng các quy định tài chính và chế độ kế toán theo

quy định của Nhà nước. Đến hết năm 2018 thì nguồn vốn góp của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh vẫn được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả.

*b.2. Lợi nhuận thu về từ hoạt động đầu tư:*

Căn cứ kết quả SXKD của Công ty CP lai dắt và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò năm 2019 thì lợi nhuận dự kiến thu về là: 1.046.137.318 đồng

Như vậy hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết hiện tại đang đảm bảo tốt công tác bảo toàn phát triển vốn và lợi nhuận thu về cho Công ty.

**4. Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018 (triệu đồng)	Năm 2019 (triệu đồng)	So sánh 2019/2018 (%)
Tổng giá trị tài sản	256.671	257.909	100,48
Doanh thu thuần	174.730	178.410	102,11
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.029	9.707	53,84
Lợi nhuận khác	2.050	1.362	66,44
Lợi nhuận trước thuế	20.079	11.069	55,13
Lợi nhuận sau thuế	16.084	8.851	55,03
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến (Đồng/Cổ phiếu)	600	300	37,5

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,26	2,38	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2,15	2,31	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
<u>Nợ ngắn hạn</u>			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,10	0,13	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,15	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	56,24	57,68	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,68	0,69	

<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,092	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,069	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,063	0,034	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,103	0,062	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần**

Tổng số Cổ phần	Cổ phần tự do chuyển nhượng	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
21.517.200	14.117.712	7.399.488	

**b) Cơ cấu cổ đông**

- Cơ cấu cổ đông phân theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>Cổ đông lớn (02 cổ đông)</b>		<b>15.567.928</b>	<b>72,35</b>	
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên	10.973.772	51	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	4.594.156	21,35	
<b>Cổ đông nhỏ (534 cổ đông)</b>		<b>5.949.272</b>	<b>27,65</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>21.517.200</b>	<b>100</b>	

- Cơ cấu cổ đông phân theo tổ chức và cá nhân trong nước (không có cổ đông nước ngoài)

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>Cổ đông là tổ chức (03 cổ đông)</b>		<b>16.213.444</b>	<b>75,35</b>	
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt	10.973.772	51	Cổ đông

	Nam – Công ty TNHH Một thành viên			Nhà nước
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	4.594.156	21,35	
3	Công đoàn Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	645.516	3	
4	Công ty TNHH TM Nông lâm Trà Lân	30	-	
<b>Cổ đông là cá nhân (534 cổ đông)</b>		<b>5.303.726</b>	<b>24,65</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>21.517.200</b>	<b>100</b>	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm dịch vụ nên lượng nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong chi phí SXKD của Công ty, tương ứng 4,7% tổng chi phí SXKD; đây chính là chi phí công cụ dụng cụ sản xuất.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Do đặc thù ngành nghề kinh doanh dịch vụ nên Công ty không có sử dụng nguyên vật liệu tái chế.

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện năng tiêu thụ ước chừng trong năm cho bộ phận trực tiếp là 1.150 nghìn KWh và bộ phận gián tiếp là: 50 nghìn KWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

### **6.3. Tiêu thụ nước**

Nguồn nước tiêu thụ được cung cấp từ các Nhà máy nước trên địa bàn, với lượng nước sử dụng trong năm khoảng: 21.400 m<sup>3</sup>, lượng nước này sử dụng với mục đích cung cấp nước sạch cho tàu và nước sinh hoạt.

#### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có vi phạm

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

#### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 504

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 9.700.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Chính sách chăm sóc sức khỏe của Công ty được quan tâm để cán bộ nhân viên luôn có được thể trạng tốt nhất từ đó phát huy tính sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc. Hàng năm, Công ty tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ, phân loại lao động để có kế hoạch chăm sóc, tổ chức nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe cho người lao động. Khuyến khích cán bộ nhân viên rèn luyện sức khỏe thông qua các phong trào thể dục thể thao. Cải tạo môi trường làm việc thoáng mát, chống ồn, giảm bụi bặm, tổ chức các lớp học an toàn lao động cho tất cả các đối tượng trong toàn Công ty. Vào mùa hè, tổ chức tham quan nghỉ mát du lịch, bồi dưỡng cung cấp nước đá cho người lao động trong mùa hè nóng nực.

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Nhiều năm liền Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh thực hiện tốt công tác bảo hiểm và nhận bằng khen của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An. Thực hiện xây dựng và ban hành Hệ thống thang bảng lương, mức lương theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Bình quân số giờ đào tạo mỗi năm là 320 giờ/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động:

Tổ chức đào tạo, đào tạo lại và tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng làm việc để nâng cao trình độ tay nghề, nghiệp vụ cho người lao động để đáp ứng tốt yêu cầu đòi hỏi yêu cầu sản xuất kinh doanh.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**



Trong năm 2019 Công ty đã chi hỗ trợ, ủng hộ các Quỹ tại địa phương và cộng đồng với tổng số tiền lên tới 500 triệu đồng.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **\* Khó khăn:**

- Tàu cá của ngư dân vẫn thường xuyên chiếm dụng cầu cảng Cửa Lò làm nơi neo đậu, gây cản trở đến việc khai thác cầu bến, an toàn hàng hải và an ninh trật tự trên bến cảng.

- Vùng nước trước bến thường xuyên bị bồi lắng gây tốn kém chi phí duy tu bảo dưỡng hàng năm. Luồng tàu vào cảng Bến Thủy cạn, bồi lắng nhiều, chỉ đảm bảo cho tàu < 2.000 DWT gây khó khăn cho các tác nghiệp sản xuất và nhu cầu thị trường vận tải hàng hóa qua cảng Bến Thủy. Luồng tàu ra vào Cảng Cửa Lò sau thời gian nâng cấp xuống (- 7,2m) nhưng hiện nay đã bị bồi lắng chỉ còn - 6,1m hạn chế các tàu có trọng tải từ 15.000 DWT đến 25.000 DWT giảm tải ra vào.

- Hiện nay, cảng Cửa Lò là khu vực có rất nhiều dân cư tập trung sinh sống xung quanh nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng như: một số mặt hàng không thể tổ chức sản xuất 24h/24h theo thông lệ quốc tế (do tiếng ồn, bụi); mặt hàng Than, Đá ... không được sự đồng thuận của người dân do ảnh hưởng bụi mặc dù doanh nghiệp đã áp dụng rất nhiều biện pháp giảm thiểu hiện tượng bụi than gây ô nhiễm môi trường như: phủ bạt, tưới nước, quét dọn, phun rửa bánh xe trước khi mang hàng ra khỏi Cảng và xe di chuyển chậm lúc đi qua khu dân cư.

- Tuyến đường đi từ miền Tây Nghệ An về Hoàng Mai (Khu kinh tế Đông Hội) đã đưa vào sử dụng có quãng đường gần hơn tuyến về cảng Cửa Lò khoảng 30 đến 36 km. Ngoài ra, cảng Đại Dương, cảng quốc tế Nghi Sơn mới xây dựng, nâng cấp cầu cho tàu đến 70.000 DWT, đầu tư các thiết bị mới và có các chính sách ưu đãi, lôi kéo khách hàng rất quyết liệt trong nội tại khu vực Nghi Sơn. Cảng khu vực Vũng Áng cũng đang dư thừa công suất và có ưu thế về chiều sâu môn nước cũng đang tìm mọi cách để thu hút các hàng hóa từ Lào như kaly, quặng sắt, quặng ba rít ... nên việc cạnh tranh giữa giữa các Cảng trong khu vực rất khốc liệt.

- Hàng hóa thông qua Cảng nhiều chủng loại gồm: hàng container, hàng rời, hàng bao, hàng lỏng, hàng thiết bị...; lượng hàng phân tán nhỏ lẻ nên việc đầu tư các phương tiện, thiết bị phục vụ khai thác gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chiến tranh thương mại Mỹ Trung, Iran bắt giữ tàu ở Trung Đông, thiên tai diễn biến phức tạp... đã ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam trong đó có Cảng Nghệ Tĩnh.

##### **\* Thuận lợi:**



- Thị trường Lào có dấu hiệu tăng trưởng. Trong năm 2019 lượng hàng hóa quá cảnh qua Lào thông qua các cảng biển khu vực Bắc Trung Bộ đã dần tăng lên và dự kiến trong năm 2020 sẽ tiếp tục tăng trưởng.

- Duy trì tuyến container trung chuyên hàng xuất khẩu ra khu vực Hải Phòng đã thu hút thêm một số hàng container xuất khẩu hoặc quá cảnh nên sản lượng hàng container tiếp tục tăng.

- Công ty thuê bến số 5 của Công ty cổ phần Tuấn Lộc đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển thị trường gia tăng cho các mặt hàng chiến lược.

- Phương tiện, thiết bị của công ty luôn được đổi mới, bổ sung phù hợp với yêu cầu giải phóng hàng hóa nên năng suất lao động không ngừng tăng lên. Các nội quy, quy chế quản trị thường xuyên được đổi mới phù hợp với tình hình đã mang lại hiệu quả trong kinh doanh.

- Được sự quan tâm hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Đảng ủy khối Doanh nghiệp Nghệ An nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thu hút hàng về Cảng và tạo môi trường thuận lợi cho Công ty hoạt động.

**\* Kết quả đạt được:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	So sánh (%) 2019/2018
<b>Sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>3.641.593</b>	<b>3.781.116</b>	<b>103,83</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>178.405</b>	<b>182.936</b>	<b>102,54</b>
+ SXKD	Tr.đồng	174.730	178.410	
+ Thu tài chính	Tr.đồng	1.453	2.571	
+ Thu khác	Tr.đồng	2.222	1.955	
<b>Chi phí</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>158.326</b>	<b>171.867</b>	<b>108,55</b>
+ QLDN	Tr.đồng	17.627	17.557	
+ Giá vốn	Tr.đồng	140.443	153.653	
+ Chi tài chính	Tr.đồng	84	64	
+ Chi khác	Tr.đồng	171	593	



<b>Lợi nhuận TT</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>20.079</b>	<b>11.069</b>	<b>55,13</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>16.084</b>	<b>8.851</b>	<b>55,03</b>
Nộp ngân sách	Tr.đồng	13.315	17.335	-
Tổng tài sản	Tr.đồng	256.671	257.909	-
Nợ phải trả	Tr.đồng	24.861	33.533	-
Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	233.810	224.376	-
Chi phí tiền lương	Tr.đồng	55.032	50.674	-
Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Vốn CSH (ROE)	%	6,9	3,9	-
Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Tổng TS (ROA)	%	6,3	3,4	-
Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Doanh thu	%	9,0	4,8	-

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

- Tổng số lượng: 207 tài sản, trong đó:

<b>Hạng mục</b>	<b>Số Lượng</b>	<b>Nguyên Giá (đồng)</b>	<b>Giá trị còn lại (đồng)</b>
<i>Tài sản vô hình</i>	<i>1</i>	<i>395.862.000</i>	<i>125.356.300</i>
<i>Tài sản hữu hình</i>	<i>206</i>	<i>513.447.332.259</i>	<i>163.176.460.181</i>
+ <i>Dụng cụ quản lý</i>	7	673.486.818	400.649.330
+ <i>Máy móc, thiết bị động lực</i>	18	14.148.754.221	2.260.561.941
+ <i>Thiết bị, phương tiện vận tải xếp dỡ</i>	74	189.124.370.406	96.541.178.552
+ <i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	47	297.118.938.585	57.547.338.706
+ <i>Tài sản cố định khác</i>	60	12.381.782.229	6.426.731.652
<b>Tổng cộng</b>	<b>207</b>	<b>513.843.194.259</b>	<b>163.301.816.481</b>

- Biến động tăng giảm tài sản:

Hạng mục	Biến động tăng (đồng)	Biến động giảm (đồng)
<i>Tài sản vô hình</i>	-	-
<i>Tài sản hữu hình</i>	<b>10.907.455.141</b>	<b>1.291.454.545</b>
+ <i>Dụng cụ quản lý</i>	136.705.000	96.854.545
+ <i>Máy móc, thiết bị động lực</i>	-	-
+ <i>Thiết bị, phương tiện vận tải xếp dỡ</i>	4.002.000.000	-
+ <i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	3.980.597.228	1.194.600.000
+ <i>Tài sản cố định khác</i>	2.788.152.913	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.907.455.141</b>	<b>1.291.454.545</b>

- Đánh giá Hệ số hao mòn TSCĐ = Giá trị khấu hao/Nguyên giá = 0,057; Hệ số đổi mới TSCĐ = TSCĐ mới trong năm/Nguyên giá TSCĐ x 100% = 2,12%; các hệ số này cho thấy Tài sản cố định nhìn chung là cũ, và công ty đang chú trọng hơn đến công tác đầu tư xây dựng và mua sắm mới TSCĐ.

- Đánh giá Hiệu suất sử dụng TSCĐ = Doanh thu thuần trong kỳ/Nguyên giá TSCĐ bình quân = 0,35; Chỉ tiêu này cho thấy cứ mỗi đồng tài sản tạo ra 0,35 đồng doanh thu thuần.

- Đánh giá Tỷ suất sinh lời TSCĐ = Lợi nhuận ròng/Nguyên giá TSCĐ bình quân = 0,02; Chỉ tiêu này cho thấy cứ mỗi đồng tài sản tạo ra 0,02 đồng lợi nhuận ròng.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản = 0,13. Các khoản nợ đều nằm trong thời hạn thanh toán và không có nợ quá hạn.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay. Hiện tại Công ty không có nợ xấu phải trả và các hoạt động kinh doanh sử dụng bằng tiền đồng Việt Nam nên ít có sự ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá.

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

\* Về kết quả SXKD đạt được năm 2019.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%) thực hiện
----------	-----	-----------	----------	-----------	-----------------------

		năm 2018	2019	năm 2019	2019 với	
					Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018
<b>Sản lượng</b>	Tấn	<b>3.641.539</b>	<b>3.906.000</b>	<b>3.781.116</b>	<b>96,80</b>	<b>103,83</b>
<b>Doanh thu</b>	Triệu đồng	<b>178.405</b>	<b>187.750</b>	<b>182.936</b>	<b>97,44</b>	<b>102,54</b>
<b>Lợi nhuận</b>	Triệu đồng	<b>20.079</b>	<b>11.000</b>	<b>11.069</b>	<b>100,63</b>	<b>55,13</b>

**\* Về công tác đầu tư.**

- Tổng giá trị đầu tư hoàn thành theo kế hoạch năm 2019 là: 8.753 triệu đồng.
- Tổng giá trị đầu tư đang triển khai thực hiện trong năm 2019 là: 30.000 triệu đồng.

Các dự án đã thực hiện, được tiến hành đúng các quy trình, thủ tục đầu tư theo các quy định của pháp luật và công ty. Các dự án hoàn thành được đưa vào sử dụng đảm bảo hiệu quả cho hoạt động SXKD của Công ty.

**\* Về công tác quản trị tài chính.**

Công tác quản lý tài chính trong năm 2019 luôn được HĐQT chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo điều lệ, quy định của pháp luật. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Năm 2019 các thành viên Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình trong việc sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch HĐQT giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Tiếp tục xây dựng Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh trở thành Doanh nghiệp cảng biển có thương hiệu, uy tín, chất lượng hàng đầu trong khu vực.

**V. Quản trị công ty**

**1. Hội đồng quản trị**

**a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2015 bầu 07 thành viên, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017



đã tiến hành sửa đổi điều lệ và bầu bổ sung rút gọn HĐQT còn 05 thành viên; bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Lê Doãn Long	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc	44.900	0,21
3	Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT	-	-
4	Hoàng Tất Thắng	Thành viên HĐQT	-	-
5	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	-

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất đại diện cho quyền lợi các cổ đông; trong năm 2019, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo chuẩn mực quản trị của Công ty Cổ phần. Hội đồng quản trị tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định và có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể. Các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia các ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của HĐQT cũng như cho ý kiến đầy đủ tại các phiếu lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT. HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.

- Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong năm 2019.

- Thông qua báo cáo sáu tháng, năm trước khi công bố thông tin theo quy định.

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Trình báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 đã được kiểm toán và kiến nghị mức cổ tức được chi trả năm 2018 lên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Tổ chức thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2019.

**\* Tổng kết các cuộc họp HĐQT.**

Trong năm 2019 HĐQT đã triệu tập 4 phiên họp và 7 lần lấy ý kiến bằng văn bản thông qua các nội dung cụ thể như sau:



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I	Nghị Quyết		
1	Nghị quyết số: 119/NQ-HĐQT	02/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn ngày 25 tháng 04 năm 2019 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thường niên năm 2019.</li> <li>- Gia hạn thời gian Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên trong tháng 05 năm 2019.</li> <li>- Lựa chọn ngày 16/05/2019 là ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.</li> </ul> <p>Thông qua trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 các Nội dung cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 (Có báo cáo kèm theo).</li> <li>+ Báo cáo kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2018 và đánh giá tình hình Sản xuất kinh doanh năm 2019 (Có báo cáo kèm theo).</li> <li>+ Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018 (Có báo cáo kèm theo).</li> <li>+ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán (Có Tờ trình kèm theo).</li> <li>+ Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2018 (Có Tờ trình kèm theo).</li> <li>+ Tờ trình về Tổng mức Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch thù lao năm 2019 (Có Tờ trình kèm theo).</li> <li>+ Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019 (Có Tờ trình kèm theo).</li> <li>+ Tờ trình Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 (Có Tờ trình kèm theo).</li> <li>+ Tờ trình về việc Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Có Tờ trình kèm theo).</li> <li>+ Tờ trình về việc Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (Có Tờ trình kèm theo).</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng ý cho Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò biểu quyết về các Nội dung cụ thể như sau:</li> </ul>

			<p>+) Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 và phân phối lợi nhuận sau thuế: 2.903.390.864 đồng của năm 2018 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (5%): 145.169.544 đồng.</li> <li>• Trích quỹ khác thuộc vốn CSH (2%): 58.067.817 đồng.</li> <li>• Trích quỹ thưởng ban điều hành (2%): 58.067.817 đồng.</li> <li>• Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt: 2.642.085.685 đồng.</li> </ul> <p>+) Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Doanh thu: 21,8 tỷ đồng.</li> <li>• Cổ tức năm 2019 không thấp hơn 20,5%.</li> <li>• Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2018 là: 360.000.000 đồng.</li> </ul> <p>+) Chọn Công ty kiểm toán và tư vấn ACA Miền trung kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.</p> <p>+) Đồng ý về chủ trương hoán cải tàu CL09 lên 1.600 CV: Đề nghị Người đại diện phần vốn phối hợp với Công ty CP Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò xây dựng Phương án cụ thể báo cáo xin ý kiến Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh trước khi tiến hành biểu quyết về Phương án hoán cải</p>
2	Nghị quyết số: 241/NQ-HĐQT	26/07/2019	- Thông qua bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2015 – 2020 theo nội dung Tờ trình số: 206/CNT của Tổng giám đốc (có Tờ trình kèm theo).
3	Nghị quyết số: 244/NQ-HĐQT	26/07/2019	<p>- Đồng ý với các Bản tự nhận xét, đánh giá kết quả công tác NĐDPV của Tổng công ty HHVN tại Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh năm 2018 (có các Bản tự nhận xét, đánh giá kết quả công tác NĐDPV kèm theo).</p> <p>- Thông qua phê duyệt Quỹ lương thực hiện năm 2018 và quỹ lương kế hoạch năm 2019 theo Nội dung Tờ trình số 199/CNT của Tổng giám đốc (có Tờ trình kèm theo); trong đó:</p> <p>+ Phê duyệt Quy lương thực hiện của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh năm 2018 là: <b>53.200.000.000 đồng</b>; cụ thể:</p>

			<p>* Quỹ lương kế hoạch của Người quản lý chuyên trách năm 2019 là: <b>1.459.500.000 đồng.</b></p> <p>* Quỹ lương kế hoạch của Người lao động năm 2019 là: <b>51.740.500.000 đồng.</b></p> <p>+ Thông qua quỹ lương kế hoạch của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh năm 2019 là: <b>55.404.000.000 đồng</b>; cụ thể:</p> <p>* Quỹ lương kế hoạch của Người quản lý chuyên trách năm 2019 là: <b>1.512.000.000 đồng.</b></p> <p>* Quỹ lương kế hoạch của Người lao động năm 2019 là: <b>53.892.000.000 đồng.</b></p> <p>- Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2018, cụ thể:</p> <p>+ <b>Thời gian chi trả:</b> trong tháng 9 năm 2019.</p> <p>+ <b>Mức chi trả cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP):</b> 600</p> <p>- Đồng ý chủ trương bổ nhiệm 01 phó giám đốc XNXD Cửa Lò.</p>
4	Nghị quyết số: 398/NQ-HĐQT	26/11/2019	<p>- Thông qua ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm 8 chương, 25 điều.</p> <p>- Thông qua ban hành Quy định trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ thuộc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh bao gồm 6 chương, 24 điều và 20 Phụ lục kèm theo.</p> <p>- Thông qua phê duyệt Hồ sơ mời thầu và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phân cầu và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò.</p> <p>- Thông qua việc xử lý tài chính đối với khoản nợ không có khả năng thu hồi của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Giao nhận Vận tải Ánh Dương.</p> <p>- Thông qua chấp thuận bổ nhiệm đối với Ông Trần Minh Tú vào vị trí phó Giám đốc XNXD Cửa Lò.</p>
<b>II</b>	<b>Quyết định</b>		



1	Quyết định số: 18/QĐ-HĐQT	24/01/2019	<p>Thành lập Tổ thẩm định đấu thầu các gói thầu thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò gồm các Ông có tên sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1- Ông Bùi Kiều Hưng – Phó TGĐ Công ty - Tổ trưởng</li> <li>2- Ông Nguyễn Quang – GD XNXD Bến Thủy - Thành viên</li> <li>3- Ông Nguyễn Hồng Sơn – Thành viên HĐQT - Thành viên</li> <li>4- Ông Nguyễn Xuân Hùng – Kế toán trưởng - Thành viên kiêm thư ký</li> </ol>
2	Quyết định số: 46/QĐ-HĐQT	26/02/2019	<p>Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phần cần và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung Tờ trình số 33/TTr-CNT ngày 25/01/2019</p>
3	Quyết định số: 60/QĐ-HĐQT	14/03/2019	<p>Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán theo Nội dung Tờ trình số 40/CNT-TTr ngày 07/03/2019</p>
4	Quyết định số: 116/QĐ-HĐQT	2/04/2019	<p>Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế Tài chính Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 10 Chương và 47 Điều</p>
5	Quyết định số: 117/QĐ-HĐQT	2/04/2019	<p>Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Thời gian tổ chức đại hội:</b> 07 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 05 năm 2019.</li> <li>+ <b>Địa điểm tổ chức:</b> Hội trường tầng 2, Khách sạn Sài Gòn Kim Liên, Số 25 - Đường Quang Trung - TP Vinh - Nghệ An.</li> </ul>
6	Quyết định số: 118/QĐ-HĐQT	2/04/2019	<p>Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh; bao gồm các Ông (bà) có tên sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1- Ông Nguyễn Quang: Giám đốc XNXD Bến Thủy – Trưởng ban</li> <li>2- Ông Phạm Quốc Việt: Trưởng phòng KTVT – Thành viên, thư ký</li> <li>3- Bà Võ Thị Thành Huế: Phó phòng TCCBLĐ – Thành viên</li> </ol>



7	Quyết định số: 120/QĐ-HĐQT	2/04/2019	Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 05 Chương và 16 Điều
8	Quyết định số: 157/QĐ-HĐQT	5/06/2019	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phân cầu và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn phục vụ sản xuất kinh doanh của XNXD Cửa Lò
9	Quyết định số: 179/QĐ-HĐQT	20/06/2019	Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ Phần Cảng Nghệ Tĩnh
10	Quyết định số: 243/QĐ-HĐQT	26/07/2019	Phê duyệt kết quả xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” cho Ông Trần Văn Đạt là Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò.
11	Quyết định số: 245/QĐ-HĐQT	26/07/2019	Thành lập Hội đồng xử lý nợ Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh; bao gồm các Ông (bà) có tên sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Lê Doãn Long - Tổng giám đốc</li> <li>- Ông Bùi Kiều Hưng - Phó Tổng giám đốc</li> <li>- Ông Trần Văn Đạt - Phó Tổng giám đốc</li> <li>- Ông Nguyễn Xuân Hùng - Kế toán trưởng</li> <li>- Ông Nguyễn Danh Hải - T.P Kế hoạch-Kinh doanh</li> <li>- Ông Nguyễn Quang - Giám đốc XNXD Bến Thủy</li> <li>- Bà Trần Ngọc Quỳnh – Kế toán công nợ</li> </ul> <div style="float: right; text-align: right;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ tịch Hội đồng</li> <li>Phó chủ tịch Hội đồng</li> <li>Phó chủ tịch Hội đồng</li> <li>Thành viên thường trực</li> <li>Thành viên</li> <li>Thành viên</li> <li>Thành viên thư ký</li> </ul> </div>
12	Quyết định số: 246/QĐ-HĐQT	08/08/2019	Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 theo nội dung Tờ trình số: 226/CNT-TTr ngày 06/08/2019 của Tổng giám đốc (Có Tờ trình kèm theo và bản Báo cáo tài chính kèm theo).
13	Quyết định số: 291/QĐ-HĐQT	27/09/2019	Hủy thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phân cầu và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn phục vụ sản xuất kinh doanh của XNXD Cửa Lò.



14	Quyết định số: 292/QĐ-HĐQT	27/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh Hồ sơ mời thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phần cầu và lắp ráp lên chân đế số 1 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của XNXD Cửa Lò tại Mục 2, Chương.III: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, cụ thể điều chỉnh “năm đánh giá tài chính là năm 2016, năm 2017 và năm 2018” thành “năm đánh giá tài chính là năm 2017, năm 2018 và 09 tháng năm 2019”</li> <li>- Tổ chức đấu thầu lại Gói thầu số 1: Cung cấp phần cầu và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn phục vụ sản xuất kinh doanh của XNXD Cửa Lò.</li> </ul>
15	Quyết định số: 396/QĐ-HĐQT	26/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt Hồ sơ mời thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phần cầu và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung Tờ trình số 348/T.Tr-CNT của Tổng giám đốc (có Tờ trình và hồ sơ kèm theo).</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phần cầu và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung Tờ trình số 349/T.Tr-CNT của Tổng giám đốc (Có Tờ trình kèm theo).</li> </ul>
16	Quyết định số: 397/QĐ-HĐQT	26/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 8 Chương và 25 Điều (có Quy chế kèm theo).</li> </ul>
17	Quyết định số: 399/QĐ-HĐQT	26/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy định trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ thuộc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 6 chương, 24 điều và 20 Phụ lục kèm theo (có Quy định và các Phụ lục kèm theo).</li> </ul>

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng ban kiểm soát	-	-
2	Nguyễn Thế Tiến	Thành viên BKS	-	-
3	Nguyễn Danh Hải	Thành viên BKS	6.600	0,03

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát (BKS) đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. BKS đã thực hiện các công việc như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty. Tổ chức kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty. Xem xét các Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định cũng như tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2019.

- BKS đã tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý doanh nghiệp để hoạt động luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả cao nhất.

- Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua.

- Thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty do Ban Tổng giám đốc xác lập, những kiến nghị của kiểm toán viên đưa ra trong quá trình kiểm toán. Rà soát, thảo luận cùng Ban Tổng giám đốc, kiểm toán viên về Dự thảo Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2019.

- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

c. Kết quả giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

*- Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:*

+ Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã họp 04 lần và 07 lần lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao, các cuộc họp, cuộc kiểm phiếu được ghi Biên bản đầy đủ.

+ Trong năm 2019, Hội đồng quản trị ban hành 04 Nghị quyết và 17 Quyết định, các các nội dung triển khai đều được sự thống nhất của các thành viên HĐQT và phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 và quy định của pháp luật hiện hành.

+ Các thành viên Hội đồng quản trị đều thực hiện đầy đủ trách nhiệm nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty và Quy chế tài chính công ty.

Trên cơ sở kết hợp phân tích diễn biến tình hình thực tiễn Hội đồng quản trị đã định hướng và chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty đồng thời giám sát, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhằm bám sát các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao, sử dụng vốn đúng mục đích có hiệu quả, bảo toàn vốn của cổ đông.

Ban Kiểm soát đánh giá trong năm qua mặc dù nền kinh tế còn rất khó khăn, xong HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

*- Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:*

Trên cơ sở các Nghị quyết Hội đồng quản trị, trong năm 2019 Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các công việc sau:

+ Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc;

+ Nỗ lực đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý, phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty: đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý chặt chẽ chi phí, tìm các biện pháp để tiết kiệm, tránh lãng phí; thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

58  
Y  
V  
TÀI  
HỆ

Ban Kiểm soát đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời đã điều hành hoạt động SXKD của doanh nghiệp phù hợp với Điều lệ công ty và quy định của pháp luật đồng thời bám sát hoạt động kinh doanh tại đơn vị, linh hoạt trong công tác điều hành Ban Tổng giám đốc đã có những kiến nghị quan trọng giúp Hội đồng quản trị có những chỉ đạo kịp thời giúp công tác sản xuất kinh doanh ổn định, bám sát kế hoạch đề ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

Tổng mức thù lao năm 2019 được ĐHCĐ phê duyệt: 240.000.000 đồng; trong đó:

- Hội đồng quản trị:

Trong đó: Chủ tịch HĐQT 3.500.000 đồng/tháng  
Thành viên HĐQT 2.500.000 đồng/người/tháng

- Ban kiểm soát:

Trong đó: Trưởng BKS 2.500.000 đồng/tháng  
Thành viên BKS 2.000.000 đồng/người/tháng

- Hiện tại Công ty đã hoàn thành việc chi trả thù lao năm 2019 cụ thể:

Tổng mức thù lao được duyệt là: 240.000.000 đồng, tổng số tiền đã thực hiện chi trả là: 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn:

- Ông Bùi Ngọc Yên – Cổ đông lớn giao dịch giảm 1.156.551 cổ phiếu.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Các quy định về quản trị nội bộ được tuân thủ và thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

## VI. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo của Ban giám đốc (kèm theo).

2. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán (kèm theo).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



# Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**  
Số 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,  
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

001  
CÔNG  
T  
DEL  
VIỆ  
VG

003  
ÔNG  
Ổ P  
G NG  
H -



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**  
Số 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,  
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch
Ông Lê Doãn Long	Thành viên
Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Lê Duy Dương	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kiêu Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

500.  
CÔNG TY  
H  
ITTE  
NAM  
IP

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**  
Số 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,  
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

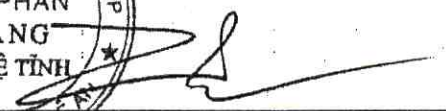
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị,



  
**Lê Đức Long**  
Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng  
Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020



68  
Y  
N  
T  
H

Số: 0595 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Xuân Ánh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0723-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Tiến Quốc**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3008-2019-001-1

10/01  
D  
V  
0/0



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>79.963.313.089</b>	<b>56.312.419.626</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>33.548.085.227</b>	<b>29.463.870.096</b>
1. Tiền	111		11.548.085.227	28.463.870.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	1.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.585.411.125</b>	<b>23.941.925.359</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.439.379.841	22.665.795.124
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	634.800.000	1.508.165.962
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.841.226.285	743.855.424
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.329.995.001)	(975.891.151)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>2.463.009.318</b>	<b>2.863.945.871</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.463.009.318	2.863.945.871
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>366.807.419</b>	<b>42.678.300</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	338.675.257	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	28.132.162	42.678.300
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>177.945.890.648</b>	<b>200.358.719.081</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>163.301.816.481</b>	<b>181.634.003.839</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	163.176.460.181	181.429.475.139
- Nguyên giá	222		513.447.332.259	503.831.331.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(350.270.872.078)	(322.401.856.524)
2. Tài sản cố định vô hình	227		125.356.300	204.528.700
- Nguyên giá	228		395.862.000	395.862.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(270.505.700)	(191.333.300)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>182.700.000</b>	<b>90.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		182.700.000	90.000.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>4.860.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.860.000.000	4.860.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.601.374.167</b>	<b>13.774.715.242</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.601.374.167	13.774.715.242
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>257.909.203.737</b>	<b>256.671.138.707</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

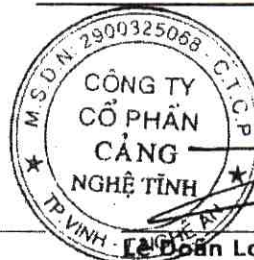
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>33.533.571.817</b>	<b>24.861.444.426</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.533.571.817</b>	<b>24.861.444.426</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.566.481.752	6.783.749.676
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.809.558.198	212.745.647
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.096.666.087	1.379.392.813
4. Phải trả người lao động	314		12.718.285.369	11.051.827.377
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	9.372.710.050	2.581.619.688
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.391.889.345	1.594.648.447
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.577.981.016	1.257.460.778
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>224.375.631.920</b>	<b>231.809.694.281</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>224.375.631.920</b>	<b>231.809.694.281</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.203.631.920	16.637.694.281
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		352.368.905	553.232.401
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.851.263.015	16.084.461.880
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>257.909.203.737</b>	<b>256.671.138.707</b>

Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



**Đỗ Văn Long**  
Tổng Giám đốc/ Thành viên  
Hội đồng Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	20	178.410.510.041	174.730.397.825
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02		
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		178.410.510.041	174.730.397.825
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	21	153.653.401.796	140.443.514.891
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.757.108.245	34.286.882.934
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.571.062.377	1.453.204.111
7. Chi phí tài chính	22		64.738.555	84.315.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			56.090.813
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	17.556.691.386	17.627.094.935
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		9.706.740.681	18.028.676.888
10. Thu nhập khác	31	25	1.955.394.987	2.221.684.390
11. Chi phí khác	32		592.781.947	171.504.486
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.362.613.040	2.050.179.904
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.069.353.721	20.078.856.792
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	2.218.090.706	3.994.394.912
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.851.263.015	16.084.461.880
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	411	591

Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



Lê Doãn Long  
Tổng Giám đốc/ Thành viên  
Hội đồng Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>11.069.353.721</b>	<b>20.078.856.792</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	29.239.642.499	31.556.614.394
Các khoản dự phòng	03	530.379.562	(168.715.131)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.571.062.377)	(2.646.092.751)
Chi phí lãi vay	06	-	56.090.813
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>38.268.313.405</b>	<b>48.876.754.117</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	540.200.563	(1.074.868.126)
Thay đổi hàng tồn kho	10	400.936.553	(734.349.132)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.404.513.899	2.810.934.692
Thay đổi chi phí trả trước	12	(145.931.410)	(3.491.281.869)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(56.090.813)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.641.749.314)	(3.042.447.472)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.761.887.138)	(2.103.104.982)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>42.064.396.558</b>	<b>41.185.546.415</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.926.857.913)	(11.042.167.798)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.192.888.640
3. Tiền chi cho đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23	(20.000.000.000)	-
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.856.996.486	1.453.204.111
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(25.069.861.427)</b>	<b>(8.396.075.047)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	8.194.656.218
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(8.194.656.218)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.910.320.000)	(17.213.760.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(12.910.320.000)</b>	<b>(17.213.760.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>4.084.215.131</b>	<b>15.575.711.368</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>29.463.870.096</b>	<b>13.888.158.728</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>33.548.085.227</b>	<b>29.463.870.096</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập

  
Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



  
Lê Đoàn Long  
Tổng Giám đốc/ Thành  
viên Hội đồng Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 215.172.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, với vốn điều lệ là 215.172.000.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 472 (31 tháng 12 năm 2018: 504).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, hàng lâm sản, thổ sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí hóa lỏng (gas);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hoá;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; Phá dỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;



- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng kỳ) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An, Việt Nam	36	36	Cung cấp dịch vụ lai dắt và dịch vụ hàng hải

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo



cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Phương tiện vận tải và thiết bị	05 - 20
Máy móc, thiết bị truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 10

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

#### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm tài sản, và chi phí nạo vét, chi phí sửa chữa bãi sau cầu 4 Cảng Cửa Lò và chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	365.403.903	134.683.243
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.182.681.324	28.329.186.853
Các khoản tương đương tiền (i)	22.000.000.000	1.000.000.000
	<u>33.548.085.227</u>	<u>29.463.870.096</u>

- (i) Tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	-
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò (ii)	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>-</b>

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên Đại Dương với lãi suất lần lượt là 5,5% và 6,2%/năm.
- (ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò với tỷ lệ sở hữu 36%, tương đương số tiền 4.860.000.000 VND thông qua ba hình thức góp vốn bằng tiền mặt, hàng hóa và tài sản theo Giấy chứng nhận, phần vốn góp ngày 23 tháng 5 năm 2016. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là kinh doanh dịch vụ lai đất hỗ trợ tàu biển ra vào Cảng Cửa Lò.

**Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên kết trong năm:**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 29.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Nhật Việt	7.449.785.673	7.036.094.867
Công ty Cổ Phần Vận Tải Biển GLS	2.859.859.524	2.314.501.678
Công ty Cổ phần khoáng sản Namico	1.022.777.590	1.022.777.590
Công ty Cổ Phần Vận Tải 1 TRACO	1.653.018.120	1.293.866.109
Công ty Vận tải Quốc tế Mê Kong	1.482.807.451	1.734.454.990
Các khách hàng khác	7.971.131.483	9.264.099.890
	<b>22.439.379.841</b>	<b>22.665.795.124</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Nghệ An	384.800.000	-
Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội	180.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng THT	-	1.032.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Trần	-	240.240.000
Công ty Luật TNHH MTV Việt Phúc	70.000.000	70.000.000
Các nhà cung cấp khác	-	165.925.962
	<b>634.800.000</b>	<b>1.508.165.962</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	632.755.556	5.066.667
Chi phí khắc phục sự cố (i)	374.344.489	374.344.489
Phải thu khác	834.126.240	364.444.268
	<b>1.841.226.285</b>	<b>743.855.424</b>

- (i) Phản ánh số tiền dự kiến được bồi thường từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội liên quan tới sự cố gãy cần cầu chân đế số 1 Xi nghiệp xây dựng Cửa Lò theo Công văn số 1027/2017/CV-BSH-QLNV II ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc phương án giải quyết tổn thất cần trục của Công ty tại Cảng Cửa Lò.



9. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian
Công ty TNHH Bắc Sơn	289.444.738	-	Trên 3 năm	289.444.738	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	492.398.028	Từ 1 đến 2 năm	1.022.777.590	1.022.777.590	Dưới 1 năm
Các khách hàng khác	510.170.701	-	Trên 3 năm	686.446.413	-	Trên 3 năm
	<b>1.822.393.029</b>	<b>492.398.028</b>		<b>1.998.668.741</b>	<b>1.022.777.590</b>	

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.092.494.139	-	2.518.619.113	-
Công cụ, dụng cụ	370.515.179	-	345.326.758	-
<b>Cộng</b>	<b>2.463.009.318</b>	<b>-</b>	<b>2.863.945.871</b>	<b>-</b>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	285.669.690	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	53.005.567	-
	<b>338.675.257</b>	<b>-</b>
<b>a) Dài hạn</b>		
Chi phí tư vấn và nạo vét vũng đậu tàu	5.493.626.269	6.349.775.809
Chi phí sửa chữa bãi sau cầu 4 Cảng Cửa Lò	-	3.759.452.938
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.107.747.898	3.665.486.495
	<b>9.601.374.167</b>	<b>13.774.715.242</b>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp/bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	42.678.300	347.305.793	323.991.493	19.364.000
Các loại thuế khác	-	166.853.329	175.621.491	8.768.162
	<b>42.678.300</b>	<b>514.159.122</b>	<b>499.612.984</b>	<b>28.132.162</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	394.339.279	13.019.423.267	12.878.491.385	535.271.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp	985.053.534	2.218.090.706	2.641.749.314	561.394.926
Các loại thuế khác	-	2.097.129.904	2.097.129.904	-
	<b>1.379.392.813</b>	<b>17.334.643.877</b>	<b>17.617.370.603</b>	<b>1.096.666.087</b>

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>294.332.941.357</b>	<b>91.302.101.668</b>	<b>633.636.363</b>	<b>107.969.022.959</b>	<b>9.593.629.316</b>	<b>503.831.331.663</b>
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn	-	-	-	-	257.652.913	257.652.913
Mua sắm mới	-	-	136.705.000	4.002.000.000	2.530.500.000	6.669.205.000
Tặng khác (*)	3.980.597.228	-	-	-	-	3.980.597.228
Tháo dỡ tài sản cố định	(1.194.600.000)	-	(96.854.545)	-	-	(1.291.454.545)
Phân loại lại	-	(77.153.347.447)	-	77.153.347.447	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>297.118.938.585</b>	<b>14.148.754.221</b>	<b>673.486.818</b>	<b>189.124.370.406</b>	<b>12.381.782.229</b>	<b>513.447.332.259</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>226.703.980.252</b>	<b>15.016.331.653</b>	<b>272.411.976</b>	<b>75.664.440.491</b>	<b>4.744.692.152</b>	<b>322.401.856.524</b>
Trích khấu hao trong năm	14.062.219.627	729.527.999	97.280.057	13.061.083.991	1.210.358.425	29.160.470.099
Tháo dỡ tài sản cố định	(1.194.600.000)	-	(96.854.545)	-	-	(1.291.454.545)
Phân loại lại	-	(7.029.527.211)	-	7.029.527.211	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>239.571.599.879</b>	<b>8.716.332.441</b>	<b>272.837.488</b>	<b>95.755.051.693</b>	<b>5.955.050.577</b>	<b>350.270.872.078</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>67.628.961.105</b>	<b>76.285.770.015</b>	<b>361.224.387</b>	<b>32.304.582.468</b>	<b>4.848.937.164</b>	<b>181.429.475.139</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>57.547.338.706</b>	<b>5.432.421.780</b>	<b>400.649.330</b>	<b>93.369.318.713</b>	<b>6.426.731.652</b>	<b>163.176.460.181</b>

(\*) Tặng khác trong năm là khoản điều chỉnh theo kiến nghị của đoàn Thanh tra Bộ Tài chính theo Quyết định số 95/QĐ-TTr ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc phân loại lại chi phí sửa chữa bãi sau cầu số 04 Cảng Cửa Lò từ Chi phí trả trước dài hạn sang Tài sản cố định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 126.002.906.385 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 70.033.384.233 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND	Giá trị	VND
		Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	3.689.945.601	3.689.945.601	4.254.400.700	4.254.400.700
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	444.141.951	444.141.951		
Công ty TNHH Vận tải Biển Bạch Đằng			2.032.552.500	2.032.552.500
Phải trả cho các đối tượng khác	432.394.200	432.394.200	496.796.476	496.796.476
	<b>4.566.481.752</b>	<b>4.566.481.752</b>	<b>6.783.749.676</b>	<b>6.783.749.676</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thuê bến số 05 cảng Cửa Lò	6.513.698.490	
Chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá	2.500.000.000	2.500.000.000
Chi phí khác	359.011.560	81.619.688
	<b>9.372.710.050</b>	<b>2.581.619.688</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp		168.198.732
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.391.889.345	1.426.449.715
	<b>1.391.889.345</b>	<b>1.594.648.447</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	215.172.000.000	21.100.884.401	236.272.884.401
Lợi nhuận trong kỳ	-	16.084.461.880	16.084.461.880
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(3.333.892.000)	(3.333.892.000)
Chi trả cổ tức	-	(17.213.760.000)	(17.213.760.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>215.172.000.000</b>	<b>16.637.694.281</b>	<b>231.809.694.281</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	8.851.263.015	8.851.263.015
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(3.375.005.376)	(3.375.005.376)
Chi trả cổ tức (i)	-	(12.910.320.000)	(12.910.320.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>215.172.000.000</b>	<b>9.203.631.920</b>	<b>224.375.631.920</b>

(i) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi trả cổ tức theo Nghị quyết số 01-19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019. Cổ tức đã được thực hiện chi trả trong năm 2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	298.102	1.124.457

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ Bốc xếp hàng hóa. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

**20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	166.271.320.780	159.365.240.444
Doanh thu dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	12.139.189.261	15.365.157.381
	<b>178.410.510.041</b>	<b>174.730.397.825</b>
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ cho bên liên quan</b> (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 28)	<b>230.100.000</b>	<b>248.898.500</b>

**21. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	142.284.263.804	126.492.434.788
Giá vốn dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	11.369.137.992	13.951.080.103
	<b>153.653.401.796</b>	<b>140.443.514.891</b>

1001  
CC  
DEJ  
VII  
NG

29  
C  
C  
ANG  
TN

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.330.994.871	23.616.717.173
Chi phí nhân công	58.473.114.069	61.113.625.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.239.642.499	31.556.614.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.673.263.309	32.270.476.483
Chi phí khác bằng tiền	10.493.078.434	9.513.176.514
	<b>171.210.093.182</b>	<b>158.070.609.826</b>

23. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	951.150.847	891.454.846
Lãi tiền gửi	1.533.534.528	511.497.183
Doanh thu hoạt động tài chính khác	86.377.002	50.252.082
	<b>2.571.062.377</b>	<b>1.453.204.111</b>

- (i) Phản ánh cổ tức được chia tại khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò.

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.037.918.082	7.734.906.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	790.014.180	790.014.180
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	530.379.562	(168.715.131)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.574.024.809	1.831.747.061
Chi phí bằng tiền khác	7.366.884.633	6.977.534.271
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	257.470.120	461.608.434
	<b>17.556.691.386</b>	<b>17.627.094.935</b>

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thưởng của các hợp đồng kinh tế	1.061.535.097	-
Tiền phạt thu được	-	12.427.500
Các khoản khác	893.859.890	2.209.256.890
	<b>1.955.394.987</b>	<b>2.221.684.390</b>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.092.381.432	3.899.254.352
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành năm nay	125.709.274	95.140.560
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.218.090.706</b>	<b>3.994.394.912</b>
	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11.069.353.721</b>	<b>20.078.856.792</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
- Trừ: thu nhập không chịu thuế	(951.150.847)	(891.454.846)
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	343.704.286	308.869.814
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>10.461.907.160</b>	<b>19.496.271.760</b>
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.092.381.432	3.899.254.352
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.092.381.432</b>	<b>3.899.254.352</b>

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8.851.263.015</b>	<b>16.084.461.880</b>
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.375.005.376)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>8.851.263.015</b>	<b>12.709.456.504</b>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.517.200	21.517.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>411</b>	<b>591</b>

Như đã trình bày ở thuyết minh số 17, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2019 ngày 16 tháng 5 năm 2019 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018, cụ thể như sau:

	2018 Số đã báo cáo VND	2018 Số trình bày lại VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>16.084.461.880</b>	<b>16.084.461.880</b>
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.375.005.376)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>16.084.461.880</b>	<b>12.709.456.504</b>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.517.200	21.517.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>748</b>	<b>591</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm 2019 sẽ giảm đi tương ứng.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò</b>		
Bán hàng và dịch vụ	230.100.000	248.898.500
Nhân cổ tức	951.150.847	891.454.846
<b>Trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	6.584.263.200	8.779.017.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	2.336.493.600	3.115.324.800

Cơ sở xác định giá của giao dịch mua hàng và bán hàng với các bên liên quan được hình thành trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng.

*Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.180.964.000	1.055.566.000

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài sản số 296/HĐ/2018 ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Cảng Cửa Lò về việc Công ty thuê tại sản kết cấu hạ tầng bên cảng, cầu cảng số 5 – Cảng Cửa Lò để vận hành, khai thác. Thời hạn thuê là 36 tháng, tính từ ngày hai bên ký kết biên bản bàn giao tài sản cho thuê. Tổng giá trị hợp đồng là 60 tỷ VND, trong đó giá thuê của 12 tháng đầu tiên là 15 tỷ VND, giá thuê của 12 tháng tiếp theo là 20 tỷ VND và giá thuê của 12 tháng cuối cùng là 25 tỷ VND. Theo đó, đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài sản này như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng 1 năm	19.726.027.537	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	26.260.273.973	-
	<b>45.986.301.510</b>	-



**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 384.800.000 VND, là số tiền trả trước cho người bán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi tiền gửi đã thu trong năm không bao gồm 632.755.556 VND (năm 2018: 5.066.667 VND), là số doanh thu lãi tiền gửi đã phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán từ ngân hàng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



Lê Đan Long  
Tổng Giám đốc/ Thành  
viên Hội đồng Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020



TH  
VN